

Số: /2021/QĐST-HNGĐ

Đ. H, ngày 14 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thu Th, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ. H, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Công T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ. H, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Thu Th và Phạm Công T thoả thuận thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị Thu Th và Phạm Công T thoả thuận thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Có 02 con chung là: Phạm Công M, sinh ngày 14/11/2016; Phạm Anh Kh, sinh ngày: 28/11/2017.

Khi ly hôn chị Lê Thị Thu Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Công M, sinh ngày: 14/11/2016 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được. Anh Phạm Công T trực tiếp chăm sóc, nuôi

đưỡng và giáo dục cháu Phạm Anh Kh, sinh ngày: 28/11/2017 cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được.

Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Chị Lê Thị Thu Th và anh Phạm Công T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản chung:** Chị Lê Thị Thu Th và anh Phạm Công T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề cập.

- **Về nợ chung:** Không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 5; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm (Thuận tình ly hôn): Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) các đương sự phải chịu. Chị Lê Thị Thu Th nhận chịu thay toàn bộ án phí cho anh Phạm Công T nên chị Thảo phải chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2016/0005306 ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. H. Hoàn trả cho chị Lê Thị Thu T. số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đ.N;
- TAND tỉnh K. T;
- Chi cục THADS huyện Đ. H;
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ. H;
- UBND thị trấn Đ. H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quách Văn N